

Số: 107/TB-ĐHKT-SDH

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2018

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-ĐHKT-SDH ngày 19/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2018 như sau:

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành:

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Hình thức và thời gian đào tạo
1	Kiến trúc	9.58.01.01	Tập trung 03 năm đối với thí sinh có bằng thạc sĩ và 04 năm với thí sinh có bằng đại học
2	Quy hoạch vùng và đô thị	9.58.01.05	
3	Quản lý đô thị và công trình	9.58.01.06	
4	Kỹ thuật xây dựng	9.58.02.01	
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	9.58.02.10	

2. Điều kiện dự tuyển:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

2.1. Có bằng thạc sĩ đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy đạt loại giỏi trở lên, có chuyên ngành đại học đúng hoặc phù hợp hoặc ngành gần với chuyên ngành dự tuyển theo quy định (Xem Mục 3).

2.2. Ứng viên dự tuyển vào ngành Quản lý đô thị và công trình phải có 02 năm công tác trong lĩnh vực quản lý hoặc quản trị.

2.3. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

2.4. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác.

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (Phụ lục 01) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có Chứng chỉ tiếng Anh trình độ 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương.

2.5. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

Ứng viên đủ điều kiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển phải trình bày Báo cáo dự định nghiên cứu (kèm theo Đề cương nghiên cứu) trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong thời gian quy định theo Thông báo của Hội đồng tuyển sinh.

3. Yêu cầu về văn bằng đối với người dự tuyển:

3.1. Bằng thạc sĩ đúng hoặc phù hợp chuyên ngành dự tuyển:

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Bằng thạc sĩ chuyên ngành
1	Kiến trúc	9.58.01.01	Kiến trúc
2	Quy hoạch vùng và đô thị	9.58.01.05	Quy hoạch
3	Quản lý đô thị và công trình	9.58.01.06	Quản lý đô thị và công trình
4	Kỹ thuật xây dựng	9.58.02.08	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật công trình xây dựng
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	9.58.02.10	Cấp thoát nước Kỹ thuật hạ tầng đô thị.

Ghi chú: Các đối tượng có bằng thạc sĩ thuộc các cơ sở đào tạo khác có chuyên ngành đúng với bằng thạc sĩ chuyên ngành như trên hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển sẽ được xem xét cụ thể theo hồ sơ dự tuyển.

3.2. Bằng đại học hệ chính quy đạt loại giỏi phù hợp chuyên ngành dự tuyển (chưa có bằng thạc sĩ):

TT	Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ	Mã số	Bằng đại học chuyên ngành
1	Kiến trúc	9.58.01.01	Kiến trúc Công trình
2	Quy hoạch vùng và đô thị	9.58.01.05	Kiến trúc Quy hoạch
3	Quản lý đô thị và công trình	9.58.01.06	Quản lý đô thị và công trình
4	Kỹ thuật xây dựng	9.58.02.01	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	9.58.02.10	Cấp thoát nước, Kỹ thuật hạ tầng đô thị (đào tạo tại Đại học Kiến trúc Hà Nội).

Ghi chú: Các đối tượng có bằng đại học thuộc các cơ sở đào tạo khác có chuyên ngành đúng với bằng đại học chuyên ngành như trên hoặc có bằng đại học chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển sẽ được xem xét cụ thể theo hồ sơ dự tuyển.

3.3. Bằng thạc sĩ chuyên ngành gắn với chuyên ngành dự tuyển:

TT	Chuyên ngành đào tạo tiến sĩ	Mã số	Bằng thạc sĩ chuyên ngành
1	Kiến trúc	9.58.01.01	- Quy hoạch (yêu cầu bằng đại học là KTS Công trình) - Thiết kế đô thị, di sản và phát triển bền vững (yêu cầu bằng đại học là KTS Công trình)
2	Quy hoạch vùng và đô thị	9.58.01.05	- Kiến trúc (yêu cầu bằng đại học là KTS Quy hoạch) - Thiết kế đô thị, di sản và phát triển bền vững (yêu cầu bằng đại học là KTS Quy hoạch)
3	Quản lý đô thị và công trình	9.58.01.06	- Kiến trúc - Quy hoạch - Xây dựng - Cấp thoát nước - Kỹ thuật hạ tầng đô thị - Thiết kế đô thị, di sản và phát triển bền vững (yêu cầu bằng đại học là KTS Công trình, KTS Quy hoạch)
4	Kỹ thuật xây dựng	9.58.02.01	- Xây dựng công trình (yêu cầu bằng đại học là Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp).
5	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	9.58.02.10	- Xây dựng công trình thủy - Xây dựng công trình biển - Xây dựng sân bay -

Các đối tượng có bằng thạc sĩ chuyên ngành gắn với chuyên ngành dự tuyển phải học bổ sung kiến thức khi trúng tuyển theo quy định. Các trường hợp có bằng thạc sĩ khác với thống kê trên sẽ được xem xét cụ thể theo từng hồ sơ dự tuyển.

4. Yêu cầu về hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm có:

Hồ sơ dự tuyển (01 bộ) gồm:

1. Đơn xin dự tuyển (theo mẫu).
2. Lý lịch khoa học (theo mẫu).
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp). Nếu tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ ở nước ngoài phải nộp Bản xác nhận văn bằng tốt nghiệp của Cục Đảm bảo chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Bài báo khoa học (photo 06 bộ gồm: tờ bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo).
5. Đề cương nghiên cứu (theo mẫu).
6. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu).
7. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động để minh chứng về thâm niên công tác.
8. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
9. Giấy chứng nhận sức khoẻ của bệnh viện đa khoa (trong vòng 6 tháng).
10. Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (theo mẫu).
11. 02 ảnh 4x6 cm chụp kiểu Chứng minh thư trong vòng 6 tháng (không bao gồm ảnh dán trên phiếu dự tuyển) và 2 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ của người dự tuyển.

5. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

6. Giá dịch vụ dự tuyển và đào tạo

Giá dịch vụ dự tuyển và giá dịch vụ đào tạo theo quy định hiện hành hoặc theo mức phí đảm bảo tính đủ chi phí.

7. Đội ngũ giảng viên cơ hữu hướng dẫn nghiên cứu sinh (Phụ lục 02)

8. Chỉ tiêu tuyển sinh: 30 nghiên cứu sinh (cho tất cả các chuyên ngành)

9. Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển:

- 9.1. Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 02/7/2018
- 9.2. Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 13/8/2018 đến hết ngày 14/9/2018 (trong giờ hành chính) tại Phòng làm việc NCS, Tầng 2, Nhà I, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội - Km 10 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- 9.3. Thời gian xét tuyển:
 - Dự kiến: ngày 02 và 03/10/2018
 - Địa điểm xét tuyển: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
- 9.4. Thời gian bảo vệ đề cương nghiên cứu:
 - Dự kiến: từ ngày 01-02/11/2018
- 9.5. Thời gian công nhận nghiên cứu sinh
 - Dự kiến: từ 12-16/11/2018

Để biết thêm thông tin xin liên hệ :

Văn phòng Khoa Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Điện thoại: 024.22 42 27 07; 024.38 54 20 51; Fax: 024.38 54 20 51

Website: www.hau.edu.vn;

Email: khoasaudaihoc@hau.edu.vn hoặc hoavo70@gmail.com

Nơi nhận:

- Đơn vị và cá nhân có nhu cầu dự tuyển;
- Website trường;
- Lưu VT; Khoa SDH. ~~KT~~



PGS.TS. Lê Quân

Phụ lục 01
BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
(Theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

Phụ lục 02

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA HƯỚNG DẪN
NGHIÊN CỨU SINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

*(Kèm theo Thông báo số 107/QĐ-ĐHKT-SDH ngày 26 tháng 6 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)*

STT	Họ và tên giảng viên		Học hàm, học vị	Ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu
1.	Lê Phước	Anh	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
2.	Vũ Hồng	Cương	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
3.	Nguyễn Đông	Giang	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
4.	Nguyễn Tuấn	Hải	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
5.	Nguyễn Văn	Hoan	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
6.	Vũ Đức	Hoàng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
7.	Phạm Thanh	Huy	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
8.	Trần Nhật	Kiên	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
9.	Trần Hải	Nam	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
10.	Nguyễn Trí	Thành	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
11.	Phùng Đức	Tuấn	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
12.	Thiều Minh	Tuấn	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
13.	Đặng Hoàng	Vũ	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch
14.	Nguyễn Tuấn	Anh	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
15.	Nguyễn Tuấn	Anh	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
16.	Huỳnh Thị Bảo	Châu	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
17.	Nguyễn Huy	Dần	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
18.	Ngô Thị Kim	Dung	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
19.	Bùi Đức	Dũng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
20.	Nguyễn Đức	Dũng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
21.	Luong Tiến	Dũng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
22.	Nguyễn Xuân	Hinh	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
23.	Ngô Việt	Hùng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
24.	Lê Xuân	Hùng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
25.	Khuất Tân	Hưng	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
26.	Nguyễn Thái	Huyền	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
27.	Vũ An	Khánh	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
28.	Vương Hải	Long	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
29.	Nguyễn Hoàng	Minh	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
30.	Hoàng Mạnh	Nguyên	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
31.	Đỗ Hữu	Phú	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
32.	Nguyễn Thị Lan	Phương	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị

33.	Lê	Quân	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
34.	Đặng Đức	Quang	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
35.	Lương Tú	Quyên	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
36.	Nguyễn Minh	Son	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
37.	Ngô	Thám	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
38.	Lê Chiến	Thắng	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
39.	Lê Đức	Thắng	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
40.	Đỗ Thị Kim	Thành	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
41.	Phạm Trọng	Thuật	PGS.TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
42.	Đỗ Trần	Tín	TS.KTS	Kiến trúc-Quy hoạch-Quản lý đô thị
43.	Vũ	Anh	TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
44.	Cù Huy	Đấu	PGS.TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
45.	Nguyễn Văn	Hiển	TS	Kỹ thuật hạ tầng
46.	Vũ Văn	Hiểu	PGS.TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
47.	Nghiêm Văn	Khanh	PGS.TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
48.	Nguyễn Văn	Nam	TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
49.	Nguyễn Thanh	Phong	TS	Kỹ thuật hạ tầng
50.	Lê Thị Minh	Phương	TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
51.	Nguyễn Lâm	Quảng	PGS.TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
52.	Trần Thanh	Son	PGS.TS	Kỹ thuật hạ tầng-Quản lý hạ tầng
53.	Nguyễn Hữu	Thủy	TS	Kỹ thuật hạ tầng
54.	Chu Thị Hoàng	Anh	TS	Xây dựng
55.	Chu Thị	Bình	PGS.TS	Xây dựng
56.	Trần Thương	Bình	PGS.TS	Xây dựng
57.	Nguyễn Việt	Cường	TS	Xây dựng
58.	Phạm Đức	Cường	TS	Xây dựng
59.	Phạm Văn	Đạt	TS	Xây dựng
60.	Nguyễn Hiệp	Đồng	TS	Xây dựng
61.	Phạm Thị Hà	Giang	TS	Xây dựng
62.	Vũ Thị Thùy	Giang	TS	Xây dựng
63.	Nguyễn Thị Thu	Hà	TS	Xây dựng
64.	Đặng Đình	Hanh	TS	Toán cơ
65.	Đặng Vũ	Hiệp	TS	Xây dựng
66.	Nguyễn Duy	Hiểu	PGS.TS	Xây dựng
67.	Đào Minh	Hiểu	TS	Xây dựng
68.	Dương Quang	Hùng	TS	Xây dựng
69.	Phạm Thanh	Hùng	TS	Xây dựng
70.	Phùng Thị Hoài	Hương	TS	Xây dựng
71.	Trịnh Tự	Lực	TS	Xây dựng

72.	Phan Thanh	Lượng	TS	Xây dựng
73.	Nguyễn Ngọc	Nam	TS	Xây dựng
74.	Nguyễn Minh	Ngọc	PGS.TS	Xây dựng
75.	Nguyễn Đức	Nguồn	PGS.TS	Xây dựng
76.	Vũ Lệ	Quyên	TS	Xây dựng
77.	Vũ Bích	Quyên	PGS.TS	Xây dựng
78.	Lê Hữu	Thanh	TS	Xây dựng
79.	Nguyễn Ngọc	Thanh	TS	Xây dựng
80.	Vương Văn	Thành	PGS.TS	Xây dựng
81.	Vũ Thanh	Thủy	PGS.TS	Xây dựng
82.	Đỗ Minh	Tính	TS	Xây dựng
83.	Phạm Phú	Tinh	PGS.TS	Xây dựng
84.	Phạm Văn	Trung	TS	Xây dựng
85.	Hoàng Văn	Tùng	TS	Xây dựng
86.	Đỗ Xuân	Tùng	TS	Xây dựng
87.	Trần Thị Thuý	Vân	TS	Xây dựng
88.	Vũ Quốc	Anh	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
89.	Nguyễn Văn	Đức	TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
90.	Lê Anh	Dũng	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
91.	Lê Thu	Giang	TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
92.	Nguyễn Công	Giang	TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
93.	Đình Tuấn	Hải	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
94.	Nghiêm Mạnh	Hiên	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
95.	Vũ Hoàng	Hiệp	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
96.	Bùi Mạnh	Hùng	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
97.	Nguyễn Trường	Huy	TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
98.	Nguyễn Công	Khôi	TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
99.	Nguyễn Hoài	Nam	TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
100.	Nguyễn Ngọc	Phương	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng
101.	Nguyễn Hồng	Sơn	PGS.TS	Xây dựng-Quản lý xây dựng

Danh sách có 101 giảng viên